



Vườn  
Thơ



**Mũ Nâu**



# BẠC MÀU ÁO TRẦN

*đông hương*

Chờ em chút thoa lên môi tí đỏ  
phết chút hồng cho má ấm màu da  
kẻ chút xanh lên mi cho mắt rõ  
chút " laque " thơm cho tóc thật mượt mà

\*

Cho em tí thời gian thay xiêm áo  
màu áo nào anh thích tím \_ hồng \_ xanh  
anh thích tím phải không, em o Huế  
ngươi anh yêu hôm về đó đóng quân

\*

Minh gặp nhau có vài hôm \_ thật ngắn  
cũng đủ cho thi vị đẹp cuộc tình  
em qua cầu, môi gió hôn tà tím  
anh oai phong trong tấm áo hoa rừng

\*

Rồi chia tay, em \_ thành \_ anh tiễn tuyến  
tiếng súng thay lời âu yếm cho nhau  
ánh hoả châu thay lửa tình trong mắt  
vài hàng thư viết vội giữa đêm sâu

....

Anh trở về sau nhiều năm tù ngục  
tóc hai màu tiêu muối, cụt một tay  
chân nặng gỗ, cà nhắc trên đường đất  
\_Biết ai còn đợi mình nữa không đây?

\*

Giàng ơi Giàng, ơi mừng ngày hội ngộ  
vòng tay anh chỉ một nửa, vẫn tròn  
em bây giờ đã thành người thiếu phụ  
luôn đợi chờ người bạc áo phong sương

# Tháng chín...

## Anh linh

*kimthanh*

Thì tháng chín ...  
như những tờ lịch sẽ phải đến ..phải bóc rời ...rồi xé bỏ ..  
nhưng có những tháng ngày sao đọng lại thiên thu  
để trong đời , cứ mỗi lần trở lại  
lại ...tan nát tim ...  
những nhát chém vô tình ...

Là tháng chín ...  
Mẹ thành ra goá bụa  
“ công chúa tôi “ bỗng xuống kiếp lọ lem  
đưa em út còn trong cung lòng Mẹ  
mãi mãi trong đời không thể gọi :” Ba ơi !”

Và tháng chín ...  
khăn sô ngày đó ...  
Tuởng chiến tranh theo gió đã nhạt nhoà ...  
Tuởng thanh bình trong nắng sẽ nở hoa.....  
ai đâu biết Con Tạo vẫn xoay thêm khăn sô ...đầy thêm  
nước mắt ...

Thân phận người mỏng manh mờ nhạt  
giữa biển bao la trôi giạt những mảnh đời  
thâm thía đậm đà hai tiếng “mồ côi”

Mồ côi Cha ...

Mồ côi cả tổ tiên dòng Lạc Hồng bất khuất ...

Tro tàn nằm cạnh bên nhau

Cõi xưa mờ khuất, thương đau phai tàn

Yêu thương quyện khói mênh mang .....

Bao giờ lại tháng chín như ngày xưa khăn sô chưa vắn  
cho con hát đồng dao cho lúa mới tươi non ...

cho lũ chúng mình đầu bạc dặt tay nhau

thăm mộ BỐ ..

Anh linh

Hồn Tử sỹ ...



# Em Bạn Đồ

Rần Ri

*Nguyễn Sang 21/BĐQ.*

Năm em 15 tuổi,  
Em bạn đồ rần ri  
Tôi ra trường Trung sĩ  
Nhìn nhau thật lạ kỳ  
Năm em 16 tuổi  
Hình như tuổi dậy thì  
Tôi lên Trung sĩ nhất  
Nhìn nhau thật kiêu kỳ.  
Năm em 17 tuổi  
Vừa tốt nghiệp mùa thi  
Tôi thăng cấp Thượng sĩ  
Nhìn nhau thật diệu kỳ.  
Tôi 21 tuổi đời  
Vừa tròn 3 tuổi lính  
Em gọi tôi là Thượng sĩ sữa  
Đồng đội gọi tôi là Thượng sĩ AK  
Tôi gọi đùa muội là tiểu tướng  
Năm em 18 tuổi  
Tôi đi học sĩ quan  
Ra trường về đơn vị mới  
Khoác quân phục hoa rừng  
Chiếc nón nâu Biệt Động  
Năm em 19 tuổi  
Được tin em lấy chồng  
Tôi thăng cấp Thiếu úy  
Chiều chiến trường băng khuâng./-

# Người bây giờ và tiếng hát nay đâu

*Phạm Kim Khôi*

Tôi viết tặng người bài thơ Tiếng Hát  
Tiếng hát đam mê phảng phất u hoài  
Thời gian đó tôi thấy người đôi lúc  
Vương nét buồn trong ánh mắt xa xôi

Tôi viết tặng người bài thơ Kỷ Niệm  
Kỷ niệm chúc mừng ai có ngò tan  
Kẻ từ đây hình như người ẩn hiện  
Năm tháng im lìm sớm vắng chiều hoang

Tôi muốn gửi người bài thơ mới viết  
Để nói lên điều thông cảm từ lâu  
Thơ muốn gửi nhưng làm sao tôi biết  
Người bây giờ và tiếng hát nay đâu

# WESTMINSTER, NGÀY ANH VỀ

Nguyễn Đông Giang

*\*Tặng những chiếc áo dài VN ở quê người – nđg*

Lòng mừng , về thăm Westminster  
Đi trên Bolsa , vàng rục phố cờ  
Áo dài Việt Nam , bay trên đất lạ  
Cuối tháng Tư buồn , anh viết bài thơ

Áo dài em bay , tiếc ngày tháng cũ  
Còn nhớ không em , xưa buổi lên đường  
Em mang Tổ quốc , đi vượt biển  
Thơ , vẫn vô cùng , nhớ quá quê hương

Về đây gặp , những bạn bè xưa  
Đời tù tội , nhiều năm chung đũa  
Người thù người , cắt tình máu mủ  
Đủ rồi , anh bỏ đất sang sông

Anh tin rằng , như có cô hương  
Theo chúng ta , những ngày lạc bước  
Ngày tháng này , của bao năm trước  
Sài gòn cờ bay , rộn rã tấm lòng

Em có tình , có nghĩa với non sông  
Nên mới gặp , anh đem lòng cảm mến  
Nước Mỹ , những ngày anh mới đến  
Nhìn lá cờ bay , nước mắt chảy dài

Thành phố anh về , đã có bóng em  
Con đường Bolsa , đầy dấu chân mình  
Tiếng nói tiếng cười , người lên kẻ xuống  
Hơi hám quê nhà , ấm buổi nhục vinh

Lòng mừng , về thăm Westminster  
Thành phố thánh Tư , đẹp những áo dài  
Trong nỗi vui buồn , anh xin quên hết  
Quên cả chính mình , đời đã tàn phai





# *Cali Nỗi Nhớ.*

*Sao Linh*

Niềm mơ ước từ lâu gặp gỡ

Đã trở thành hiện thực hôm nay  
Cali một sáng mây bay  
Nụ cười rạng rỡ vòng tay thân tình

Xa nhau lăm tình trong gang tấc  
Gặp nhau đây có phải là duyên  
Tôi, em người ở hai miền  
Gặp nhau trong Phố hàn huyên nỗi niềm

Trời Cali hôm nay đẹp quá  
Mừng đón em, lũ khách đường xa  
Nắng như hiểu thấu lòng ta  
Chan hoà vạt nắng mượt mà reo vui

Rồi cũng phải đến giờ từ biệt  
Người đi về để lại vấn vương  
Gửi em bên ấy niềm thương  
Tôi ôm nỗi nhớ buồn phương trời này

# BÀNG THƠ THÁNG TÁM

*Nhật-phương*

Tưởng quên nhưng nhớ vô cùng  
Nhớ con ốc nhỏ đùa chung bước đường  
Nhớ đêm chuông đổ vô thường  
Nhớ nồng dáng hạ, đông tuôn lạnh lòng  
Nhớ thu phong phụ lá rừng  
Nhớ xuân năm cũ giọt mừng đầy tim  
.....  
Năm nay tháng tám bình yên  
Nhớ bao tháng tám đắm chìm chiêm bao.

**Không tán trợ tham vọng bành trướng của Hán tộc:**

***HÃY GỌI NƯỚC “TÀU” LÀ HOA LỤC  
HAY TRUNG CỘNG, TRUNG HOA,  
ĐỪNG GỌI LÀ TRUNG QUỐC***

\*\*\*\*\*

***Kim Khôi***

Hiện nay trên thế giới có vào khoảng 184 nước. Mỗi nước đều được đặt cho một cái tên, trước hết là để thể hiện ý nghĩa mà dân tộc của nước đó muốn nói lên, thứ đến là để bày tỏ chế độ chính trị hiện hành, cuối cùng là để phân biệt với các nước khác hầu tiện việc giao dịch trong các sinh hoạt trong cộng đồng các khu vực hay trong cộng đồng quốc tế. Như vậy việc đặt tên cho một nước là cần thiết và tất yếu. Tên của một nước lại có thể thay đổi tùy theo hoàn cảnh chính trị của nước hay dân tộc đó, chính vì thế một nước có thể có nhiều cái tên cũ mới khác nhau, và do đó, cũng có thể được gọi bằng nhiều cái tên khác nhau – Ví dụ Thái Lan, Xiêm-la, Xiêm; Mỹ, Hoa Kỳ; Tàu, Trung Hoa, Trung quốc... – Tuy nhiên trên giấy tờ hành chánh, mỗi nước chỉ có một tên có giá trị pháp lý và được cộng đồng thế giới công nhận. Trong bài này chúng ta quan tâm đến việc dùng tên của một nước trên thực tế, nghĩa là dùng theo thói quen hay trên các phương tiện truyền thông, báo

chí, sách vở...

Như trên đã trình bày, trên thực tế một nước có thể được gọi bằng nhiều cái tên khác nhau. Việc gọi tên một nước cũng khá rắc rối vì nước nào cũng dùng ngôn ngữ và chữ viết riêng của nước mình để gọi tên nước mình, mà trên thế giới hiện nay có khá nhiều thứ tiếng nói và chữ viết được xem là phổ thông. Để thuận tiện cho việc gọi hay viết tên các nước trong cộng đồng thế giới, từ lâu người ta đã đồng thuận “la tinh hóa” tên của nước đó, đồng thời tên của một nước được chấp nhận viết hay gọi bằng Anh hay Pháp ngữ là hai thứ chữ tương đối phổ biến trong việc giao dịch quốc tế. Nhờ sự “la tinh hóa” này mà các văn thư chính thức và báo chí có thể viết và gọi tên các nước một cách tương đối thuận tiện hơn. Tôi nói “tương đối” vì trên thực tế mỗi nước khi viết hay gọi tên của một nước khác đều dùng ngôn ngữ và chữ viết của chính nước mình – dù tên nước đó đã được “pháp hóa” hay “anh hóa” – để cho dân chúng trong nước có thể đọc và hiểu được. Do tình trạng trên, một nước có thể dùng cả hai dạng: Dạng “phiên âm” và dạng chính thức để gọi tên một nước khác. Để rõ ràng hơn chúng ta có thể dùng việc gọi và viết tên một nước của người Việt chúng ta, tức dùng chữ /tiếng Việt để gọi và viết tên các nước khác. Từ lâu người Việt chúng ta có thói quen dùng dạng “phiên âm” để viết và gọi tên một số nước quen thuộc như Anh-Cát-Lợi, Pháp-Lang-Sa, Cao-Ly, Ấn-Độ, Ma-Rốc...đó là do ảnh hưởng của Trung Hoa trong việc họ “phiên âm” tên của những nước này để dùng cho thuận tiện. Lại nữa cũng do tình trạng ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa, nên người Việt chúng ta lại còn có thói quen dùng từ Hán Việt “QUỐC” đặt sau tên của một số nước quen thuộc (sau khi đã được tinh lược hay “biến dạng”) để gọi nước đó, ví dụ: Mỹ quốc,

Pháp quốc, Anh quốc, Hồi quốc, Hàn quốc....Như vậy việc dùng chữ “quốc” đặt sau tên của một nước để gọi nước đó là rất bình thường. Thế thì tại sao trong bài này chúng tôi lại đặt vấn đề “Hãy gọi nước Tàu là Hoa Lục hay Trung Hoa, đừng gọi là Trung Quốc”? Đó có phải là “vẽ rắn thêm chân” không? Chúng tôi xin thưa là KHÔNG, trái lại đây là một vấn đề cần được xem xét lại. Lý do chúng tôi sẽ xin trình bày như sau:

Tuy chúng ta thường dùng chữ “quốc” để viết và gọi một số nước quen thuộc như Lào quốc, Anh quốc, Ý quốc... thế nhưng khi dùng chữ “quốc” đặt sau chữ “Trung” để gọi nước Trung Hoa (hay Tàu) là Trung Quốc nó lại mang một ý nghĩa hoàn toàn khác những trường hợp trên. Vấn đề này nó đã bắt rễ từ quá khứ xa xăm, cho nên muốn lý giải cho rõ ràng cần phải điem qua một chút về lịch sử Trung Hoa, và sự ảnh hưởng của Trung Hoa đối với Việt Nam từ trước đến nay.

Như chúng ta biết, qua những khảo cứu mới nhất đã xác định người Hoa không phải là dân bản xứ trên lục địa Trung Hoa ngày nay, kể cả nơi mà Trung Hoa thường cho là địa bàn phát tích của người “Hán” là vùng bình nguyên hợp bởi các sông Hoàng Hà, sông Vị, sông Hoài, sông Hán. Nguồn gốc của họ là một giống dân du mục từ miền tây bắc tràn xuống. Sinh kế của giống dân này là chăn nuôi và săn bắn nên họ chuyên dùng vũ lực và chiến đấu rất giỏi. Khi tràn xuống đến vùng bình nguyên tạo thành do các sông Hoàng Hà, sông Hoài, Sông Hán thì họ nhận thấy vùng này đất đai màu mỡ nên đã đánh đuổi các thổ dân đã định canh định cư ở đây lâu đời, chiếm đất dựng nên nước Trung Hoa thời cổ đại. Quá trình phát triển của nước Trung Hoa ngay thời bấy giờ đã là một quá trình chiến tranh xâm lược, bành

trường, thôn tính và đồng hóa các dân tộc khác.

Tương truyền rằng họ lập quốc từ thời Tam Hoàng, Ngũ Đế, nhưng mãi đến đời vua Nghiêu mới xưng danh hiệu. Vua Nghiêu lấy quốc hiệu là Đường. Vua Thuấn kế nghiệp lấy quốc hiệu là Ngu. Đến đời nhà Thương (1766 – 1122 trước TL) họ xưng là “Trung Quốc” vì tự cho mình là nước văn minh nhất ở trung tâm thế giới. Từ “Trung Quốc” được tìm thấy trong các thư tịch cổ như Thượng Thư, Kinh Thi. Trong Kinh Thi có câu “Huệ thử Trung Quốc, dĩ tuy tứ phương\*” nghĩa là lấy ân huệ của Trung Quốc để an định bốn phương. “Trung quốc” là nước có nền văn minh cao nhất mệnh danh là văn minh Hoa Hạ. Chính hai chữ Hoa Hạ (華夏) đã biểu lộ tính tự cao, tự đại của giống dân này, vì theo Hán tự Hoa (華) có nghĩa là tinh hoa, rực rỡ, thịnh vượng và Hạ (夏) là to lớn, nước ở giữa. Đó là thời xa xưa, chứ ngày nay, nước Trung Hoa sau hơn 200 năm bị người Mãn Châu cai trị, tiếp đến là gần 100 năm bị Bát Quốc của Tây phương (Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Ý, Nhật, Nga, Đế quốc Áo-Hung và Nhật Bản) xâu xé.

Với bản chất kiêu căng đó, họ cho rằng Trung Quốc là nước văn minh nhất nằm ở trung tâm thế giới, còn tất cả các nước khác ở chung quanh đều là man-di-mọi-rợ, vì thế Trung Quốc được giao cho trọng trách thay trời cai trị và khai hoá thiên hạ. Họ chủ trương “Dĩ Hạ biến Di” (lấy nền văn minh Hoa Hạ để khai hóa các dân tộc mọi rợ). Địa bàn do giống dân này cư ngụ gọi là Trung Hoa, cư dân gọi là Hoa nhân (người Hoa). Ban đầu vùng đất mà vương triều nhà Thương trực tiếp cai trị chỉ là vùng đất hẹp gần kinh đô gồm phía đông tỉnh Sơn Tây, phía tây tỉnh Sơn Đông, phía nam tỉnh Hồ Bắc và phía bắc tỉnh Hồ Nam được gọi là “Trung Nguyên” còn các vùng chung quanh đều do các chư hầu cai quản,

phần lớn là dân bản địa đã bị đồng hóa sống chung với người Hoa. Nhà Chu tiếp nối nhà Thương đại diện cho vương quyền của người Hoa, có thiên mệnh cai quản và giáo hóa thiên hạ, nên vương triều ở Trung Nguyên được xưng là Thiên Triều, hoàng đế là Thiên Tử để phân biệt với vua và triều đình các nước chư hầu. (Về sau lối xưng hô trịch thượng này được áp dụng đối với các thuộc quốc như Việt Nam, Triều Tiên...). Đến thời Chiến Quốc nhà Chu đã suy yếu nhiều, các nước chư hầu lớn thôn tính các nước nhỏ (nước phụ dung) và gây chiến tranh với nhau để xưng Bá dưới danh nghĩa “Tôn Chu diệt di” (Tôn phò nhà Chu, tiêu diệt mọi rợ) nghĩa là vẫn theo đuổi chủ trương xâm lăng, tiêu diệt các dân tộc khác để bành trướng đất đai.

Cuối thời Chiến Quốc, Tần Thủy Hoàng gồm thâu lục quốc, thống nhất “thiên hạ”, lập nên một quốc gia theo chế độ trung ương tập quyền chuyên chế. Về mặt địa lý đất nước này đã được mở rộng về phía tây và phía nam: Phía tây đến tận Lũng Tây, phía nam bao gồm cả vùng Hoa nam hiện nay. Vì Tần Thủy Hoàng quá bạo ngược nên nhà Tần chỉ kéo dài đến đời thứ hai là Tần Nhị Thế thì bị Hạng Võ rồi Lưu Bang tiêu diệt. Lưu Bang lập nên nhà Hán, tuy vẫn theo chế độ trung ương tập quyền và thừa hưởng những kết quả cải cách của Tần Thủy Hoàng nhưng đã khôn khéo giảm nhẹ thuế khóa, bồi dưỡng sức dân, tạo nên cảnh an cư lạc nghiệp nên đất nước được phát triển về mọi mặt từ chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa... Có thể nói đây là triều đại đầu tiên xây dựng nên một nước Trung Hoa thống nhất, ổn định, cường thịnh và phát triển. Về phía tây, địa giới của nhà Hán bao gồm cả Mông Cổ và Tân Cương. Họ đã mở ra con đường tơ lụa để giao thương với Tây phương. Vì cả vùng Trung và Đông Á đều được hưởng sự thái bình

trong một thời gian dài nên được các sử gia Tây phương gọi là Thái Bình Trung Hoa (Pax Sinica) tương đương với thái bình La Mã (Pax Romana). Chính do thời đại phát triển rực rỡ đó nên người Hoa tự xưng là “Hán Tộc”, một sắc dân đông đảo nhất của Trung Hoa, nắm quyền cai quản các sắc dân khác đã bị đồng hóa trong quá trình bành trướng lãnh thổ. Và cũng từ đó, chữ viết của họ được gọi là Hán tự.

Hán triều tiếp tục dùng vũ lực xâm chiếm các nước nhỏ yếu chung quanh để mở mang bờ cõi theo chủ nghĩa Đại Hán. Vẫn với não trạng tự tôn cố hữu, Hán tộc tự cho mình là giống dân cao quý nhất, văn minh nhất trong thiên hạ được trời giao cho trách nhiệm giáo hóa các giống dân khác. Người Hán rất kỳ thị chủng tộc, khinh khi tất cả các dân tộc sống chung quanh, gán cho các giống này những cái tên thật thấp hèn để thỏa mãn bản chất kiêu ngạo của họ. Họ gọi người sống ở phía đông là Di (Triều Tiên, Nhật Bản), phía tây là Nhung (Thổ Phồn, Tây Hạ), phía nam là Man (người Việt, người Choang ở Quảng Tây, người Mân ở Phúc Kiến) phía bắc là Địch (Hung Nô, Kim, Khiết Đan, Hồ, Đột Quyết). Để thể hiện thái độ khinh thị này, trong chữ Hán có kèm theo các bộ “khuyển” (chó), bộ “trãi” (trĩ, loài sâu bọ), bộ “mã” (ngựa) để gọi những giống dân sống chung quanh. Các triều đại về sau, kể cả chính quyền Trung Hoa hiện nay vẫn theo đuổi chính sách nhất quán của nhà Hán là “Đại nhất thống thiên hạ” để lấn chiếm đất đai. Chủ nghĩa này ngày nay thường gọi là “Chủ nghĩa Đại Hán”.

Sự thật Hán tộc không phải là một dân tộc thượng đẳng được trời giao cho nhiệm vụ cai quản và giáo hóa các giống dân khác như họ tự tôn xưng, “Trung Quốc” cũng không phải là một nước hùng cường bách chiến bách thắng mà họ cũng bị chi phối bởi định luật “thịnh



suy” như tất cả các dân tộc hay quốc gia khác. Qua quá trình lịch sử ta thấy dưới đời nhà Tống, Trung Hoa đã bị nước Liêu và Kim liên tiếp quấy nhiễu. Năm 1126 quân Kim đánh chiếm kinh đô Khai Phong, bắt vua Tống Huy Tông, tiêu diệt Bắc Tống. Về sau Tống Cao Tông phục nghiệp đóng đô ở Lâm An gọi là Nam Tống. Sau đó Trung Hoa bị người Mông Cổ xâm lăng lập nên nhà Nguyên, cai trị Trung Hoa gần một trăm năm (1271 – 1368). Đến thế kỷ 17 Trung Hoa bị người Mãn Châu xâm lăng. Năm 1644 người Mãn Châu chiếm Trung Hoa lập nên nhà Thanh, cai trị 267 năm (1644 – 1911).

Điều trớ trêu là hai dân tộc Mông Cổ và Mãn Châu tuy đã chiến thắng, chiếm đóng và cai trị Trung Hoa trong một thời gian khá dài, nhưng vì căn bản văn hóa thấp (không được như Việt tộc) lại quá sùng bái nền văn minh tại Trung nguyên, nên bị nền văn minh của Trung Hoa âm thầm đồng hóa. Khi đế quốc Mông Cổ cũng như Mãn Châu bị tan rã, chẳng những hai dân tộc này bị Hán hóa mà cả đất nước của họ cũng bị sát nhập vào Trung Hoa dưới sự cai trị của người Hán. Tệ hại nhất là vào hậu bán thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 Trung Hoa bị các nước Tây phương lần áp phải ký các hiệp ước Nam Kinh 1842 và hiệp ước Thiên Tân 1854 dành cho người Tây phương quá nhiều đặc quyền. Nước Trung Hoa bấy giờ ngày càng suy yếu mặc sức cho người Tây phương xâm xé, khinh khi, nhục mạ (như cầm người Hoa và chó vào các công viên của Tây phương ngay trên đất Trung Hoa chẳng hạn). Cuộc chiến tranh Trung Nhật năm 1894 -1895 đã làm cho người Trung Hoa càng thêm mất mặt. Mãi đến tháng 8/1945 khi thế chiến thứ 2 chấm dứt, Nhật mới rút quân khỏi Trung Hoa. Trong thời gian chiếm đóng, người Nhật đã ngược đãi và nhục mạ người Hoa bằng mọi cách kể cả gọi người Hoa là

“Cầu Hán” không khác gì người Hán gọi các dân tộc thiểu số phía tây là “Khuyển Nhung” trong các thế kỷ trước.

Trong thời kỳ bị ngoại nhân cai trị bởi những dân tộc bị người Hán khinh bỉ từ lâu nay, cũng có rất nhiều người Hán tự nguyện làm tai sai cho chế độ đương quyền, hãm hại người đồng tộc. Điều đó chứng tỏ rằng người Hán cũng hèn kém, tồi tệ, xu thời, dễ biến chất... chứ không phải là một dân tộc “thượng đẳng” như họ đã tự phong!

Trung Hoa quá suy yếu và lạc hậu so với các nước Tây phương, kể cả Nhật Bản nên ảnh hưởng của Trung Hoa đối với Việt Nam và Cao ly bị phai nhạt nhiều. Đây là thời kỳ duy nhất trong lịch sử Trung Hoa mà chủ nghĩa Đại Hán bị gián đoạn. Sau khi Mao Trạch Đông đánh bại Tưởng Giới Thạch, thống nhất toàn nước Trung Hoa dưới chế độ Cộng Sản, cái não trạng thực dân Đại Hán chẳng những được phục hồi mà lại có phần phát huy mạnh mẽ hơn. Nhà cầm quyền Trung Cộng cố ý kích thích chủ nghĩa quốc gia cực đoan để dân chúng thỏa mãn tự ái dân tộc, trả mối thù bị người Tây phương và Nhật Bản chiếm đóng, xâm xé. Nhưng lý do chính được khéo léo che đậy là để cho nhân dân Trung Hoa không thấy thực trạng bị kiềm kẹp và nghèo khổ, sẵn sàng chấp nhận sự cai trị độc tài, hà khắc, bất nhân của tập đoàn Trung Nam Hải.

Đó là xét về đất nước và con người Trung Hoa, còn về phương diện văn hóa thì ngày nay khoa học kỹ thuật đã chứng minh được rằng nền văn minh Trung Hoa không phải do chỉ người Hoa tạo lập mà có sự đóng góp tích cực của dân tộc bản xứ đã định cư lâu đời tại địa bàn Trung Hoa ngày nay, nếu không muốn nói là người Hán đã cướp đoạt các thành quả văn hóa của người bản xứ - sau khi thôn tính đất đai và tiêu hủy mọi di tích văn

hóa của các dân tộc bị bại trận - đem về nhào nặn lại rồi lớn tiếng rêu rao là do Hán tộc tạo dựng, rồi đem “giáo hóa” các dân tộc bị trị để đồng hóa họ.

Minh chứng thứ nhất là các di vật thuộc thời kỳ đồ đá cũ (như rìu có vai) phát xuất từ Hòa Bình, Bắc Việt. Ngày nay được các nhà bác học về các môn khảo cổ gọi là nền văn hóa Hòa Bình có niên đại cổ nhất, sau đó do hiện tượng “biển tiến” khoảng từ 18.000 đến 8.000 năm, nền văn hóa này được các cư dân miền bắc Việt Nam mang lên phía bắc mà “hậu duệ” của nó được tìm thấy ở Ngưỡng Thiều thuộc tỉnh Thiểm Tây.

Minh chứng thứ hai là Cây Lúa Nước. Về cây lúa nước, trong quyển “Eden in the East” của Stephen Oppenheimer cũng đã chứng minh được rằng nguồn gốc của Cây Lúa Nước được tìm thấy sớm nhất ở Đông Nam Á mà các di vật được phát hiện rải rác ở vùng Bắc Việt, bắc Lào và Bắc Thái Lan. Thêm vào đó những nghiên cứu về Trung Hoa còn xác định là thực phẩm chính của người “Hán” vào đời nhà Thương là lúa mì, lúa tặc chó không có gạo, mãi đến đời nhà Hán họ mới ăn gạo. [Do sự kiện này, có giả thuyết cho rằng “Thần Nông” (vị thần dạy dân làm ruộng) là nhân vật người Việt thời cổ đại đã dạy cho dân Việt cách trồng lúa nước, đã bị Trung Hoa chiếm đoạt làm ông tổ của dân tộc mình cũng có lý!].

Minh chứng thứ ba là Trống Đồng. Tiến sĩ W.G. Solheim II là vị học giả có uy tín nhất về việc nghiên cứu và phân loại Trống Đồng, đã kết luận là Trống Đồng Ngọc Lũ là loại trống đồng lớn nhất, đẹp nhất và cũ nhất. Hiện nay các nhà khảo cổ học nổi tiếng trên thế giới đều công nhận là Trống Đồng Ngọc Lũ, thuộc nền văn hóa Đông Sơn, phân đất ở Bắc Việt ngày nay, là loại trống đồng tiêu biểu nhất. Trung Hoa - với não trạng tự

tôn cố hữu - đã cho tổ chức hội nghị Nam Ninh tháng 8/1980 để cố giành nền văn hóa trống đồng về cho mình nhưng đã thất bại ê chề vì không được các nhà khảo cổ học hàng đầu của thế giới công nhận.\*\*)

Xét về quốc hiệu của nước Trung Hoa. Theo truyền thuyết thì Đế Nghiêu lấy quốc hiệu là Đường. Vua Thuấn đổi quốc hiệu là Ngu. Các triều đại tiếp theo là Hạ, Thương, Chu, Tần, Hán, Đường, Nguyên, Tống, Minh, Thanh. Sau khi cách mạng Tân Hợi thành công, Tôn Trung Sơn được bầu làm Tổng Thống và đổi quốc hiệu là Trung Hoa Dân Quốc. Ngày 01 tháng 10 năm 1949, sau khi chiếm toàn Hoa Lục, Mao Trạch Đông đã tuyên bố thành lập nước Cộng Sản lấy quốc hiệu là Cộng Hòa Nhân dân Trung Hoa. Như vậy, trong suốt quá trình lịch sử, từ thời tối cổ cho đến đời nhà Thanh, các chế độ quân chủ chuyên chế đều lấy tên triều đại làm quốc hiệu, chứ không hề dùng chữ Trung Hoa để làm quốc hiệu bao giờ. Chỉ đến sau khi cách mạng Tân Hợi thành công lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, thành lập một nước cộng hòa, từ Trung Hoa mới được dùng làm quốc hiệu dưới danh xưng “Trung Hoa Dân Quốc”, sau đó từ Trung Hoa lại được dùng làm quốc hiệu trong “Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa” dưới chế độ cộng Sản. Còn từ “Trung Quốc” chưa bao giờ được dùng làm quốc hiệu để chỉ nước Trung Hoa. Từ “Trung Quốc” được xuất hiện lần đầu tiên dưới thời nhà Thương, đây chỉ là lối thậm xưng của người Hán để tự đề cao dân tộc và đất nước mình. Với bản chất kiêu ngạo, hiếu chiến, người Hán tự cho mình là dân tộc siêu đẳng, đất nước mình là một đất nước lớn nhất, hùng mạnh nhất và văn minh nhất nằm ở trung tâm thế giới, còn các nước khác chỉ là những nước nhược tiểu, yếu hèn, các dân tộc khác đều là man di mọi rợ, nên người

Hán được trời giao cho trọng trách đi chinh phục, cai trị và giáo hóa thiên hạ! Với não trạng độc tôn Đại Hán đó, họ đề ra chủ trương “Đại nhất thống thiên hạ” để bành trướng đất đai, luôn luôn gây hấn với các nước lân cận, tìm mọi cơ hội để đánh chiếm đất đai của nước khác. Nếu thời cơ chưa thuận tiện cho việc phát động chiến tranh để xâm lăng thì người Hán dùng những phương thức “hòa bình” như gây áp lực, lũng đoạn chính quyền hay mua chuộc giới cầm quyền lân bang để tìm cách lấn đất, lấn biển (như đang áp dụng đối với Việt Nam ngày nay). Chủ trương “Đại nhất thống thiên hạ” là nền tảng của chính sách xâm lăng, bành trướng của đế quốc Trung Hoa được người Hán theo đuổi từ thời mới lập quốc cho đến ngày nay. Trong sự giao dịch giữa các nước với nhau, từ “Trung Quốc” ngoài người Hán dùng để tự tôn xưng đất nước mình, nhiều lắm thì được lưu hành ở các nước đồng văn như Đại Hàn, Nhật Bản và Việt Nam chứ những nước dùng văn tự khác chữ Hán không thể biết đến từ này. Đối với thế giới Tây phương từ “Trung Quốc” lại càng xa lạ hơn.

Người Tây phương biết đến nước Trung Hoa vào triều Tần (Qin) nên họ gọi Trung Hoa là “Sin” theo cách phiên âm chữ Tần của Hoa ngữ. Về sau chữ “Sin” được viết thành Chine trong tiếng Pháp và China trong tiếng Anh. Ngày nay mọi giao dịch trên thế giới đều dùng Anh hay Pháp ngữ vì thế các phương tiện truyền thông, báo chí, sách vở và các giao dịch bình thường của hầu hết các nước, khi dùng dưới dạng “la tinh hóa”, - kể cả Đại Hàn và Nhật - đều dùng từ Chine (Pháp) hay China (Anh) để chỉ nước Trung Hoa, chỉ những giấy tờ quan trọng thuộc lãnh vực ngoại giao hay luật pháp mới dùng đủ quốc hiệu của Trung Hoa là People’s Republic of China hay République Populaire de Chine (Cộng Hòa

Nhân Dân Trung Hoa).

Mặc dầu Trung Hoa có chung biên giới với 14 nước nhưng chỉ có Đại Hàn và Việt Nam là nước vừa có chung biên giới với Trung Hoa, vừa chịu ảnh hưởng về văn hóa và chính trị của Trung Hoa nhiều nhất nên có lẽ chỉ hai nước này thường dùng từ “Trung Quốc” để gọi hay viết về nước Trung Hoa. Tuy nhiên theo một số sử liệu thì trong quá khứ Cao Ly (Đại Hàn) thường gọi Trung Hoa là “Thượng Quốc” hay “Đại Quốc” hơn là “Trung Quốc”. Ngày nay chỉ Bắc Hàn mới gọi Trung Hoa là “Trung Quốc” Nam Hàn dùng từ Trung Hoa (Junghwa, Chungwa (중화; 中華) hay China để gọi nước Tàu. Nước Nhật tuy cũng là đồng văn nhưng thường gọi nước Tàu là Chuka (Trung Hoa). Rốt lại chỉ có người Việt chúng ta là có thói quen ưa dùng chữ “Trung Quốc” để chỉ nước Trung Hoa. Thói quen này mang nặng dấu ấn lịch sử.

Riêng đối với Việt Nam hiện nay, vì tập đoàn cầm quyền của đảng Cộng Sản và nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã chịu làm nô lệ cho đảng Cộng Sản và nhà nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa qua “Mặt ước Thành Đô” ký ngày 04/9/1990 nên chúng gọi Trung Hoa/Trung Cộng/Tàu bằng Trung Quốc để tôn xưng tham vọng “Đại Thống Nhất Thiên Hạ” được cải đổi thành “Giấc Mơ Trung Hoa” mà tập đoàn cầm quyền Trung Nam Hải đứng đầu là tên trùm “đế quốc” Tập Cận Bình đang theo đuổi.

Như chúng ta đã biết, theo Việt sử thì trước làn sóng xâm lăng liên tục và hung bạo của “Hán tộc”, các bộ lạc Việt định cư tại phía Nam sông Dương Tử phần thì bị đồng hóa, phần thì chạy dần về phương nam nếu không muốn bị “Hán tộc” tiêu diệt. Trong các bộ lạc Việt tộc này có Lạc Việt đã lập nên nước Văn Lang ở vùng Bắc

Việt và Bắc Trung Việt ngày nay. Đến đời nhà Triệu nước ta có quốc hiệu là Nam Việt. Năm 111 trước Tây lịch, vua Vũ Đế nhà Hán sai Lộ Bác Đức và Dương Bộc đem quân đánh nhà Triệu, chiếm Nam Việt rồi cải tên là Giao Chỉ bộ, từ đó dân Việt bị nước Tàu cai trị gần một ngàn năm! Với chính sách cai trị hà khắc và chủ trương đồng hóa của Hán tộc, nhất là sự cai trị này bắt đầu từ đời nhà Hán, một thời đại mà nước Trung Hoa rất hùng mạnh về mọi phương diện như đã đề cập ở trên - thế mà Tổ Tiên ta vẫn giữ được bản sắc dân tộc đã là một kỳ công hi hữu - thì vấn đề người Việt dùng từ “Trung Quốc” để gọi nước Tàu giống như một người Hoa chẳng những là một điều tất nhiên mà còn có thể được xem như một phương thức dùng “trá hàng” để che đậy cái ý đồ “bất phục tùng” của Tổ Tiên ta! Đáng tiếc là qua một thời gian dài đằng đẵng cả một ngàn năm, sự xung hô này đã ăn sâu vào tiềm thức của người Việt lúc bấy giờ đến nỗi nó trở thành thói quen không còn ai để ý đến lối xung hô mang tính cách lệ thuộc này nữa. Đến khi Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán, giành lại nền độc lập, tự chủ cho dân Việt vào năm 939, và những triều đại tiếp nối, kể cả hai triều Lý, Trần là những triều đại mà Nho giáo không đóng vai trò độc tôn, nhưng tất cả các lãnh vực khác từ chế độ cai trị, tổ chức hành chính, quân đội, thi cử ... đều còn chịu ảnh hưởng sâu sắc của Trung Hoa, nên thói quen dùng từ “Trung Quốc” để chỉ nước Tàu hẳn vẫn được duy trì. Sang các triều Lê, Nguyễn chế độ cai trị ở Việt nam hoàn toàn rập khuôn Trung Hoa về mọi phương diện. Nước ta lại là một nước nhỏ yếu sát nách một anh khổng lồ vừa tự cao tự đại, vừa hung hãn, vừa tham lam, không lúc nào từ bỏ ý định thôn tính các nước ta nên các vị vua phải dùng đường lối ngoại giao mềm mỏng với “thiên triều” để bảo vệ



sự tự chủ, mà cách dùng từ “Trung Quốc” để gọi Trung Hoa là một cách thể hiện đường lối ngoại giao khôn khéo đó. Từ đời Tự Đức trở về sau, tuy bị Pháp cai trị, nhưng ảnh hưởng về văn hóa của Tàu đối với nước ta vẫn còn sâu đậm, cách xưng hô tôn sùng gọi Trung Hoa là “Trung Quốc” vẫn được duy trì. Tóm lại trong suốt quá trình lịch sử từ khi có nước Văn Lang cho đến cuối triều Nguyễn, Việt Nam ta luôn luôn bị áp lực của nước Tàu không lồ sát nách nên đã tự xem mình là một nước nhỏ lệ thuộc vào Trung Hoa, phải xưng tụng Trung Hoa là “Trung Quốc”.

Khi chiến tranh thế giới thứ II chấm dứt, phong trào độc lập tự chủ sự được Hoa Kỳ và các nước tây phương cổ xúy, đáng lý ra Việt nam phải cởi bỏ được mặc cảm lệ thuộc Tàu, thành lập một quốc gia Việt Nam thực sự độc lập tự chủ. Thế nhưng do vận nước còn lặn đận, do sự bất hạnh của dân tộc, ta lại rơi vào tay của Hồ Chí Minh và tập đoàn Cộng Sản bất tài cai trị. Như ta đã biết Hồ Chí Minh không những là cán bộ của Cộng Sản Đệ tam Quốc tế mà còn hoạt động ở đất Tàu rất lâu nên chịu ảnh hưởng của giới lãnh đạo đảng Cộng Sản Trung Hoa khá nhiều, nhất là Mao Trạch Đông. Khi có thời cơ về nước cầm quyền, Hồ Chí Minh đã dựa hoàn toàn vào Trung cộng để kháng Pháp, tinh thần lệ thuộc vào Trung Hoa lại được tiếp diễn!

Tệ hơn các triều đại thời quân chủ cố bảo vệ sự độc lập tự chủ, chỉ lệ thuộc Tàu về hình thức qua đường lối ngoại giao, Hồ Chí Minh và bọn hậu duệ đặt quyền lợi của tập đoàn cai trị và của đảng Cộng Sản Việt Nam lên trên quyền lợi của Quốc gia Dân tộc nên tự nguyện cúi đầu làm nô lệ cho Trung Cộng. Khi tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp dưới chiêu bài là đánh đuổi thực dân để giành độc lập nhưng thực chất là thi hành lệnh của



Đệ Tam Quốc tế gây chiến tranh với các nước phương tây để mở rộng thuộc địa cho Liên Bang Xô Viết, vì thế Hồ Chí Minh và đồng bọn không quan tâm đến sự thiệt hại của Tổ Quốc Việt Nam. Ngoài việc Hồ Chí Minh sai Phạm Văn Đồng gửi công hàm ngoại giao ngày 24 tháng 9 năm 1958 đề bán đứng 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung cộng, tập đoàn Hà Nội còn đề cho Trung Hoa làm nhiều việc rất phung phí đến nền an ninh, quốc phòng như: Đồng thuận cho Trung Hoa thiết lập đường hỏa xa nối dài từ đất Tàu, xuyên qua Ải Nam Quan, đi sâu vào đất Việt Nam trên 3 km - theo tiêu chuẩn mới, có chiều rộng giống như đường sắt của Trung Cộng - nói là để “thuận tiện cho việc vận chuyển đồ viện trợ cho Việt Nam”. Hậu quả là sau này Tàu đã dựa vào đoạn đường sắt ấy làm bằng chứng để lấn chiếm đất của ta khiến Việt cộng phải ngậm miệng. Hà Nội cũng giao cho Cục đồ bản của Trung Hoa in bản đồ quân sự nên Trung Hoa đã nắm rõ hết các đặc điểm địa hình của Việt Nam, lại để cho 300,000 quân Trung cộng sang đóng khắp vùng trung và thượng du Bắc Việt nên trong cuộc chiến tranh Hoa Việt năm 1979 Tàu cộng đã dễ dàng chiến cứ các vị trí chiến lược quan trọng thuộc biên giới Việt Nam ngay khi khai chiến....Sau khi Liên xô và Đông Âu sụp đổ, tập đoàn cầm quyền Hà Nội quay sang quỳ lụy Trung cộng để được bảo vệ sự độc quyền cai trị của đảng Cộng Sản Việt Nam.

Từ cổ chí kim, chưa có khi nào mà giới cầm quyền của nước ta lại chịu làm nô lệ một cách hết sức hèn hạ như tập đoàn cộng Sản Việt Nam hiện nay. Ngoài việc cắt đất, nhường biển cho Trung cộng qua các hiệp ước bất bình đẳng và đầy khắt tất năm 1999, 2000, Hà Nội còn để cho Trung cộng tự tung tự tác với nhiều sự kiện rất khó coi như: Để cho Giang Trạch Dân đến

tắm biển Mỹ Khê trong chuyến công du Việt Nam, như tắm tại hồ nhà mình; để cho hải quân Trung Cộng tha hồ bắn giết, bắt bớ và hà hiếp ngư dân Việt Nam; theo lệnh Trung cộng cấm sinh viên học sinh Việt Nam biểu tình chống Trung Cộng khi chúng hợp thức hóa sự xâm lăng hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, và gần đây để cho các nam nữ thanh niên Trung Hoa, với thái độ ngang nhiên và hống hách, cầm cờ Trung cộng đi theo bảo vệ cuộc rước đuốc Olympic tại Sài Gòn vào ngày 29/4/2008 vừa qua. Do sự luôn cúi hèn hạ đó mà tập đoàn cầm quyền Hà Nội từ thời Hồ Chí Minh đến nay vẫn chỉ thị cho báo chí, phương tiện truyền thông, giấy tờ giao dịch với Trung Hoa đều dùng từ “Tung Quốc” để gọi nước Tàu.

Thực ra thì dưới thời Việt Nam Cộng Hòa, báo chí, sách vở chúng ta cũng thường dùng từ “Trung Quốc” để chỉ nước Trung Hoa, nhưng đó là chỉ do thói quen hay vì những liên hệ thuộc lãnh vực văn hóa, lịch sử được lưu truyền từ bao đời trước chứ không do chủ trương chịu nô lệ Tàu như ở miền Bắc!

Đối với Trung Cộng việc dùng từ “Trung Quốc” để gọi nước mình ngày nay là có ý đồ chính trị chứ không chỉ có tính cách lịch sử. Như trên chúng ta đã biết, nước Trung Hoa là một nước lớn, đất rộng dân đông, có nền văn hóa cao và rất hùng mạnh về quân sự; Hán tộc lại là một dân tộc có đầu óc rất tự tôn, kỳ thị chủng tộc, có não trạng thực dân “Đại nhất thống thiên hạ”, luôn luôn theo đuổi tham vọng bành trướng đất đai và thế lực. Sau thời gian bị Tây phương, Nhật bản xâm xé và khinh bỉ, khi Mao Trạch Đông chiếm được toàn bộ Hoa lục tuyên bố thành lập nước Trung Hoa độc lập theo thể chế cộng Sản, lòng tự ái dân tộc được vực dậy. Mao Trạch Đông đã chủ trương kích thích tinh thần quốc gia

cực đoan của nhân dân Trung Hoa hầu che đậy sự cai trị độc đoán, tàn bạo và những thất bại về chính trị của chế độ cộng Sản. Nỗ lực thực dân được tái lập và tham vọng bành trướng lại có cơ hội thực hiện. Chính sách Đại Hán được áp dụng triệt để: Trung Cộng chiếm vùng Nội Mông, Tân Cương và đe dọa các nước Hồi giáo vùng Trung Á. Năm 1950 Trung cộng xua quân chiếm Tây Tạng, triệt hạ các tu viện, giải thể Phật giáo Tây Tạng và đang tiến hành kế hoạch đồng hóa Tây Tạng, lần chiếm hàng ngàn cây số vuông tại vùng biên giới phía bắc của Ấn Độ, lũng đoạn chính quyền vương quốc Népal, chiếm một phần lãnh thổ phía đông bắc Tajikistan. Nhưng nạn nhân dai dẳng nhất và hiện nay là miếng mồi ngon nhất mà Trung Hoa rất thèm thuồng chính là Việt Nam. Vì nước ta có một vị trí chiến lược rất quan trọng: Là cửa ngõ tiến vào Đông Nam Á, bờ biển có nhiều vịnh thiên nhiên rất có giá trị về mặt quân sự, có một thềm lục địa rộng lớn về phía đông với nhiều mỏ dầu khí và nhiều hải Sản, là hải đạo quan trọng trong việc giao thương và tiếp tế dầu khí, hàng hóa cho vùng bắc Á. Chính vì lý do nêu trên nên giới cầm quyền của Trung Cộng đang dùng mọi thủ đoạn để mua chuộc, áp lực, khống chế tập đoàn cầm quyền Việt Nam đương đại để thủ lợi tối đa. Hậu quả của chủ trương này là bọn chóp bu Việt cộng chấp nhận cúi đầu xin làm nô lệ cho Trung Cộng, bán đứng đất đai của Cha Ông để tiếp tục được giữ độc quyền cai trị như đã trình bày ở đoạn trên.

Mặc dầu các công ước quốc tế qui định rằng mọi quốc gia dù lớn dù nhỏ đều có quyền bình đẳng như nhau, các quốc gia phải tôn trọng sự toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia khác, và khuyến cáo nên dùng lẽ lối thương thuyết để giải quyết mọi tranh chấp về đất đai, nếu có, chứ không được dùng vũ lực để áp đảo đối phương, và

mặc dù Trung Hoa là một trong 5 hội viên thường trực của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc, thế nhưng Trung Cộng không cần quan tâm đến những qui định này, luôn luôn dùng vũ lực để lấn chiếm đất đai của các nước lân cận, hoặc dùng những phương cách mờ ám để lấn chiếm lãnh thổ, lãnh hải của các nước khác, rồi lại dùng thái độ kẻ cả của nước lớn giải thích lấp liếm. Trong gần nửa thế kỷ vừa qua, Trung Cộng đã nhiều lần công bố rằng lãnh thổ Trung Hoa bao trùm cả vùng Đông Nam Á và đã nhiều lần đưa ra các chứng cứ giả mạo để chứng minh rằng từ xa xưa những vùng đất đó đã từng là lãnh thổ của tổ tiên họ. Điều đó chứng tỏ rằng Trung Cộng công khai bày tỏ tham vọng bành trướng lãnh thổ trong vùng Đông Nam Á và còn dòm ngó đến các nước tiếp cận với khu vực trên. Tham vọng của Trung Cộng hiện đang đe dọa tình hình an ninh chẳng những của các nước Đông Nam Á mà còn đe dọa cả tình hình an ninh toàn thế giới. Với sự phát triển khá nhanh về kinh tế và với tiềm năng quân sự lớn trên thế giới, chỉ sau Hoa Kỳ, với tinh thần quốc gia quá khích và não trạng Hán tộc “siêu đẳng” và với lợi thế là hội viên thường trực của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc, Trung Cộng đang dùng những phương cách quỷ mị, mờ ám để dụ dỗ, tán trợ lôi kéo các nước kém mở mang có chế độ độc tài, quân phiệt về phe với mình để gây uy thế hầu lũng đoạn thế giới, tạo sự bất ổn thường xuyên trên trường quốc tế để thủ lợi. Bất chấp luật lệ quốc tế, bất chấp các tiêu chuẩn đạo đức của thời đại văn minh được qui định trong các công ước quốc tế mà Trung Cộng đã long trọng ký kết, Trung Cộng đang dùng những phương thức lạc hậu và dã man thời trung cổ để thực hiện giấc mơ làm chủ thế giới của mình! Là một nước đất rộng, có dân số đông nhất hoàn cầu, có nền kinh tế đang phát triển nhanh, có trình độ

khoa học kỹ thuật cao và có tiềm năng quân sự đáng kể, đang nuôi một tham vọng vô bờ bến là “Đại Nhất Thống Thiên Hạ” mà lại có thói quen rất nguy hiểm là chuyên dùng vũ lực để áp chế kẻ khác, Trung Cộng thật sự là một tai họa đối với nhân loại trong tương lai!

Ngày xưa khi kiến thức về địa lý còn bị hạn chế do phương tiện di chuyển khó khăn, Hán tộc, với sự tự cao tự đại đã lầm tưởng mình là nước văn minh nhất, hùng cường nhất nằm ở “trung tâm của thiên hạ” nên đã tự xưng là “Trung Quốc”. Ngày nay với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, Trung Cộng biết rõ là không có một nước nào là nằm ở trung tâm thế giới về mặt địa lý, thế mà họ vẫn tự xưng nước mình là “Trung Quốc” hẳn có một dụng ý! Dụng ý đó là họ tự cho Trung Hoa là TRUNG TÂM QUYỀN LỰC của thế giới! Trung Cộng đang từng bước cố làm hiển lộ cái vị thế “Trung Quốc” của Trung Hoa mà Việt Nam là nạn nhân trực tiếp đầu tiên! Qua phần trình bày trên, chúng tôi đã nhắc lại cho quý vị thấy rằng tham vọng thôn tính/đồng hóa Việt Nam của Trung Hoa là một chủ trương liên tục và bất di bất dịch.

Còn Việt Nam ta đang trong vận bị nên đất nước bị một lũ vô tài bất tướng, vừa dốt, vừa tham lại vừa hèn thống trị. Bọn chúng chỉ biết quyền lợi của cá nhân và của các đảng Cộng Sản mà không lý gì đến Quốc gia Dân tộc mặc dầu hàng ngày vẫn dùng chiêu bài “yêu nước”, “yêu Tổ Quốc” để lừa mị dân. Chúng tôi cũng giới thiệu cho quý vị thấy nguồn gốc của từ “Trung Quốc”, ý nghĩa của nó qua các thời kỳ lịch sử và ẩn ý chính trị của từ này với tham vọng quyền lực của giới cầm quyền Trung Cộng hiện nay. Chúng tôi cũng đã lướt qua cho quý vị thấy lý do tại sao Tô Tiên ta chấp nhận đến trở thành thói quen dùng từ “Trung Quốc”

đề tôn xưng Trung Hoa và cũng nêu rõ ý đồ hèn hạ của tập đoàn cầm quyền trong nước đã và đang ru ngủ dân chúng tiếp tục thói quen gọi Trung Hoa là “Trung Quốc” để lấy lòng giới cầm quyền Trung Hoa. Ngược lại, vừa qua khi Trung Cộng hợp thức hóa việc xâm lăng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, người Việt Nam trên khắp năm châu bốn bể đã phản ứng một cách mạnh mẽ, quyết liệt trước hành động xâm lăng trắng trợn này. Qua phản ứng trên đủ thấy tinh thần yêu nước của đồng bào ta vẫn nồng nàn, vẫn tha thiết... Đủ thấy mỗi thù truyền kiếp của dân tộc ta đối với bọn xâm lăng phương bắc không hề bị phai nhạt! Đủ thấy người Việt chúng ta không bao giờ quên cái nhục bị Trung Cộng chèn ép, lấn chiếm lãnh thổ và lãnh hải của ta hiện nay. Đủ thấy chúng ta không bao giờ tha thứ cho lũ chóp bu của đảng Cộng Sản Việt Nam về tội phản quốc, bán biển bán đất của tiền nhân để lại cho Trung Cộng để thủ lợi cá nhân và tập đoàn cầm quyền.

Với những lý do trên đây, chúng tôi đề nghị người Việt Nam chúng ta, đặc biệt là đồng bào đang sống ở hải ngoại, hãy xét lại có nên tiếp tục DÙNG TỪ “TRUNG QUỐC” ĐỂ GỌI NƯỚC TRUNG HOA HAY KHÔNG? Sau đây là những lý cứ để xem xét:

1.- Chữ “quốc” trong từ “Trung Quốc” nó không mang một ý nghĩa bình thường như là một chữ ghép được đặt sau tên một nước để gọi nước đó như Mỹ quốc, Áo quốc... mà nó mang một ý nghĩa chỉ vị trí, có tính cách địa lý: “Trung Quốc” là nước ở trung tâm, hàm ý là **“nước ở trung tâm thế giới”**. Nhưng ngày nay chúng ta biết rõ rằng trái đất hình cầu nên không có nơi nào là trung tâm cả, không có nước nào nằm ở “trung tâm thế giới” cả.

2.- Từ “Trung Quốc” mang dấu ấn lịch sử. Tuy từ ngàn năm xưa Tô Tiên người Việt đã dùng nhưng đó là vì hoàn cảnh đặc biệt, Tô Tiên ta bị bắt buộc phải dùng như vậy.

Ngày nay hoàn cảnh xã hội đã thay đổi, bối cảnh thế giới cũng đã khác trước, chúng ta không còn bị áp đặt phải dùng từ “Trung Quốc” như xưa nữa.

3.- Dưới thời Việt Nam Cộng Hòa, chúng ta chống cộng nhưng từ “Trung Quốc” vẫn được dùng để chỉ Trung Hoa, vì Trung Cộng không là một đe dọa trực tiếp đối với Việt Nam Cộng Hòa cho mãi đến khi chúng xưa quân xâm lăng Hoàng Sa. Cách gọi này chỉ là do thói quen, nay cục diện thế giới thay đổi, chúng ta cũng cần thay đổi cách dùng cho hợp lý hơn.

4.- Từ Hồ Chí Minh đến nay, đảng và nhà nước Cộng Sản Việt Nam chịu làm nô lệ cho Trung Hoa để trục lợi cho tập đoàn cầm quyền nên đã tôn xưng Trung Hoa là “Trung Quốc”, đồng bào trong nước bị Việt cộng kìm kẹp nên phải gọi theo chúng. Chúng ta không chấp nhận sự cai trị của Việt Cộng đã bỏ nước ra đi tìm tự do. Hiện tại chúng ta không bị đảng và nhà nước Việt cộng khống chế, vậy chúng ta cần gì phải làm theo những gì mà đảng và nhà nước Việt cộng muốn?

5.- Vì tính “dễ dãi”, nghe thấy các phương tiện truyền thông và báo chí trong nước dùng từ “Trung Quốc” để chỉ Trung Hoa nên chúng ta dùng theo! Đây là một thực tế, nhưng là một thực tế đáng tội nghiệp! Người Việt sống ở miền Nam Việt Nam trước năm 1975 từng hãnh diện là kẻ được truyền thừa di Sản văn hóa dân tộc Việt:



Nếp sống, âm nhạc, cách dùng từ ngữ...không bị lai căn bởi ảnh hưởng của Trung Cộng, vậy thì nay người Việt quốc gia sống ở hải ngoại có còn giữ được bản chất đó không? Có còn hãnh diện là kẻ thừa kế nền văn hóa dân tộc không? Tại sao chúng ta lại nhất nhất bắt chước những gì trong nước dùng? Hay giới trí thức, giới cầm bút tại hải ngoại không đủ khả năng sáng tạo? Chúng ta không quá khích, không chống Cộng theo cảm tính, biết chất lọc những cái hay cái tốt để dùng, nhưng chúng ta phải có bản sắc riêng, không “DỄ DÀI” bắt chước càn ùa như vậy được. Vấn nạn này xin nhường lại cho quý vị có trách nhiệm trả lời!

6.- Tập đoàn cầm quyền Bắc Kinh đang có tham vọng “Đại Nhất Thống Thiên Hạ”, muốn đặt cả thế giới dưới sự cai quản của Trung Hoa. Họ dùng từ “Trung Quốc” để ngầm chỉ Trung Hoa là trung tâm quyền lực của thế giới. Nay chúng ta dùng từ “Trung Quốc” để chỉ nước Trung Hoa là vô tình tán trợ tham vọng ngông cuồng của tập đoàn Trung Nam Hải mà nạn nhân đầu tiên chính là Việt Nam ta!

7.- Tên gọi chính thức của nước Trung Hoa được chính chính phủ Trung Hoa công bố vào ngày 01 tháng 10 năm 1949 là “Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc”, gọi theo cách Việt Nam là “**Nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa**”. Nếu tỉnh lược thì gọi là **Trung Hoa**. Và lại từ “Trung Quốc” chưa bao giờ được dùng làm quốc hiệu của Trung Hoa cả, vậy tại sao chúng ta không dùng từ Trung Hoa mà lại dùng từ “Trung Quốc”? Chúng ta đâu phải là người Hoa hay dân nô lệ của Trung Hoa mà bắt chước cách gọi tự tôn đó của họ?



Tóm lại, qua các biện giải trên, chúng tôi đề nghị từ nay người Việt tại hải ngoại không nên gọi Trung Hoa là “Trung Quốc” nữa. Đề nghị giới cầm bút, quý vị làm công tác truyền thông, báo chí cố gắng sửa cái thói quen không mấy hay ho này. Người Việt có thành ngữ : “Trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”, để chỉ tình trạng bất nhất khi làm một việc gì. Chúng ta phản đối, lên án Trung Cộng lấn chiếm đất đai của chúng ta mà chúng ta lại đi bắt chước Việt cộng tôn xưng Trung Hoa là “Trung Quốc” e có trái khuấy lắm không!

Vả lại chúng ta vẫn đang theo đuổi cuộc chiến đấu để giải thể chế độ Cộng Sản độc hại hầu cứu đất nước thoát khỏi nạn trì trệ, tham ô những lạm, ô nhiễm môi trường, cứu dân tộc thoát khỏi tình trạng phá Sản về luân lý, đạo đức, giáo dục ... nên cần có một chiến tuyến vững, một hậu phương mạnh. Hải ngoại có đủ điều kiện để đảm trách nhiệm vụ này. Chúng ta phải biết suy nghĩ đúng, vì tư tưởng sẽ dẫn dắt hành động. Trước hết chúng ta cần điều chỉnh thói quen, không gọi Trung Hoa là “Trung Quốc” nữa, để thể hiện tính độc lập không những đối với trong nước mà còn đối với quá khứ, và cũng chúng tỏ rằng việc chống tham vọng bành trướng của Trung Cộng là một việc làm có ý thức chứ không phải một phản ứng nhất thời theo “phong trào”. Đây tuy là một việc làm đơn giản, có vẻ nhỏ nhặt, nhưng rất quan trọng, vì là điểm khởi đầu, điểm then chốt! Một khi hải ngoại tuyệt đối không dùng từ “Trung Quốc” để “gọi” nước và người Trung Hoa nữa thì sẽ khiến cho quốc nội suy tư về thái độ này, sẽ hiểu và dần dần tìm cách gỡ cái ách nô lệ tinh thần mà tập đoàn cầm quyền Hà Nội cố ý tròng vào cổ của họ. Quốc nội sẽ tin tưởng quyết tâm của hải ngoại, sẽ ý thức được vai trò và tiềm lực của mình. Quốc nội sẽ tiếp tay với hải ngoại. Ban

đâu chỉ là để phản đối hành động xâm lăng của Trung Cộng bằng hình thức “tiêu cực” và vô hại nhất, lần lần sẽ phát triển đến chỗ lơ là đối với các lệnh lạc (bất tuân xã hội dân sự) mà đảng/nhà nước Việt cộng không có đủ lý cứ để đàn áp. Ngược lại nếu người Việt hải ngoại không từ bỏ nỗi thói quen đơn giản là KHÔNG GỌI TRUNG HOA LÀ “TRUNG QUỐC” NỮA thì chẳng những chủ trương chống tham vọng bành trướng của Trung Hoa chỉ là phong trào, có tính cách nhất thời, sẽ mai một theo thời gian mà cả HOÀI BẢO GIẢI THỂ CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN TẠI QUỐC NỘI MÃI MÃI CHỈ LÀ HOÀI BẢO MÀ THÔI!

#### CHÚ THÍCH:

(\*) Cội Nguồn Việt Tộc, Phạm Trần Anh, trang 48.

(\*\*) (Quý vị muốn rõ hơn về các vấn đề này, xin đọc thêm các quyển “Tìm về nguồn gốc VĂN MINH VIỆT NAM dưới ánh sáng của khoa học” của GS Cung Đình Thanh và Cội nguồn Việt Tộc” của Phạm Trần Anh).

